

Vinh, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Số: 126/BC-CTHTHHKV VI

BÁO CÁO
Đánh giá tình hình tài chính năm 2019

Kính gửi:

- Tổng công ty BĐATHH miền Bắc;
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV HTHH khu vực VI.

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI báo cáo đánh giá tình hình tài chính năm 2019 của Công ty như sau:

1. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Việc đánh giá mức độ bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp được thực hiện theo Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ, theo các nội dung sau:

| Chỉ tiêu | Đầu kỳ | Cuối kỳ |
|--|----------------|----------------|
| - Vốn chủ sở hữu, trong đó: | 20.472.704.287 | 17.738.062.627 |
| + Vốn góp của chủ sở hữu | 17.738.062.627 | 17.738.062.627 |
| + Quỹ đầu tư phát triển | 2.734.641.660 | |
| - Tổng tài sản | 37.245.808.741 | 45.777.980.931 |
| - Lợi nhuận sau thuế | 14.667.322.647 | 17.442.753.899 |
| - Hiệu quả sử dụng vốn | | |
| + Tỷ suất LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) | 71,6% | 98,3% |
| + Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | 39,4% | 38,1% |

Hiệu quả sử dụng vốn trong năm 2019:

- Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE) = 98,3% > 0, thể hiện Công ty làm ăn có lãi và tỷ suất này cho biết cứ 100 đồng vốn CSH của công ty tạo ra 98,3 đồng lợi nhuận.

- Tỷ suất LN sau thuế/ Tổng tài sản (ROA) = 38,1% > 0, thể hiện Công ty làm ăn có lãi và tỷ suất này cho biết cứ 100 đồng tài sản của công ty tạo ra 38,1 đồng lợi nhuận.

2. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại Công ty:

a) Tình hình đầu tư Dự án:

Công ty không đầu tư Dự án.

b) Tình hình đầu tư vốn ra ngoài Công ty:

Công ty không đầu tư vốn ra ngoài Công ty.

c) Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Công ty không huy động vốn.

d) Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:

Các quyết định đầu tư, mua sắm tài sản trong kỳ phù hợp với quy định của pháp luật. Tình hình trích khấu hao tài sản, tình hình thanh lý, nhượng bán tài sản thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Việc ban hành Quy chế quản lý nợ tại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế quản lý nợ, mở sổ theo dõi từng đối tượng nợ, phân loại các khoản nợ, định kỳ đối chiếu công nợ với khách hàng, đơn đốc thu hồi nợ phí hoa tiêu kịp thời.

Đối với nợ phải thu:

Phải thu ngắn hạn:

Tổng số phải thu ngắn hạn đến ngày 31/12/2019 là: **1.570.192.239 đồng**

Trong đó:

- Phải thu khách hàng đến ngày 31/12/2019 là: **1.414.757.765 đồng**

Đó là số tiền nợ phải thu từ hoạt động cung ứng dịch vụ hoa tiêu hàng hải phải thu từ các đại lý hàng hải và các chủ tàu, đến ngày 31/12/2019.

- Phải thu khác đến ngày 31/12/2019: **155.434.474 đồng**

Đó là số tiền phải thu tạm ứng mua nhiên liệu cho xe ô tô phục vụ chi phí đi công tác, đưa đón hoa tiêu đi dẫn tàu, được hoàn nợ vào cuối tháng của kỳ sau số tiền: 41.028.272 đồng, số tiền phải thu CBCNV BHXH, YT, TN: 31.406.202 đồng và tạm tính lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn đến 31/12/2019 là: 83.000.000 đồng

Phải thu khó đòi:

Phải thu khó đòi đến ngày 31/12/2019 là: **0 đồng**

Đối với nợ phải trả:

Nợ ngắn hạn:

Tổng số nợ ngắn hạn đến ngày 31/12/2019 là: **28.039.918.304 đồng**

Trong đó

- Phải trả cho người bán: 328.582.900 đồng

Bao gồm:

+ Thuê PT thủy đưa đón HT tại Cảng Vissai + Cửa Lò: 94.250.000 đồng

+ Thuê PT thủy đưa đón HT tại cảng TH + NĐ Nghi Sơn: 138.600.000 đồng

+ Thuê PT thủy đưa đón HT tại cảng NSCC Nghi Sơn: 14.000.000 đồng

+ Thuê PT thủy đưa đón HT tại cảng LDNS + SPM: 4.725.000 đồng

+ Chi phí sửa chữa phần cửa sổ trụ sở Công ty: 17.961.900 đồng

+ Chi phí sửa chữa phần thiết bị vệ sinh trụ sở Công ty: 16.098.000 đồng

+ Chi phí khảo sát, lập BC KTKT, thiết kế bản vẽ thi công dự toán công trình sửa chữa trụ sở Công ty: 42.948.000 đồng

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 1.077.112.911 đồng

Bao gồm:

+ Thuế giá trị gia tăng: 167.326.918 đồng

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp: 909.785.993 đồng

- Phải trả người lao động: 9.357.224.002 đồng

Phải trả người lao động đến ngày 31/12/2019 là số tiền lương của cán bộ nhân viên và viên chức quản lý còn lại.

- Các khoản phải trả, phải nộp khác 11.951.430.386 đồng

Bao gồm:

+ Phải nộp Tổng công ty: 11.575.538.884 đồng

+ Chênh lệch tiền thu từ DVHTHH trả cho Lào: 375.891.502 đồng

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 5.325.568.105 đồng

Bao gồm:

+ Quỹ khen thưởng: 2.187.555.396 đồng

+ Quỹ phúc lợi: 2.771.797.084 đồng



+ Quỹ khen thưởng BĐH:

366.215.625 đồng

Nợ dài hạn:

Công ty không có các khoản nợ dài hạn thanh toán. Toàn bộ nợ phải trả của Công ty chủ yếu là các khoản thuế, phí phải nộp ngân sách nhà nước, các khoản phải trả người lao động, phải trả người bán đều trong hạn thanh toán.

Công ty luôn cân đối dòng tiền, đảm bảo nguồn chi trả, thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng quy định, không để mất khả năng thanh toán.

Như vậy, khả năng thanh toán và khả năng trả nợ của Công ty như sau:

$$\text{- Hệ số khả năng thanh toán nợ} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{34.170.161.449}{28.039.918.304} = 1,22$$

Công ty có khả năng thanh toán nợ tốt, thể hiện qua hệ số khả năng thanh toán hiện hành > hơn 1.

$$\text{- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu} = \frac{28.039.918.304}{17.738.062.627} = 1,58$$

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty < 3, thể hiện đảm bảo khả năng trả nợ tốt.

3. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính:

Năm 2019, Công ty được Tổng Công ty BĐATHH miền Bắc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh dịch vụ hoa tiêu hàng hải trên cơ sở dự kiến:

| | |
|--|----------------------|
| - Sản lượng dịch vụ hoa tiêu hàng hải: | 9.170 lượt tàu |
| - Tổng doanh thu (chưa có VAT): | 61.171.646.688 đồng |
| <i>Trong đó:</i> | |
| Doanh thu DVHTHH: | 60.421.646.688 đồng |
| Doanh thu khác: | 750.000.000 đồng |
| - Chi phí (chưa có VAT): | 41.933.875.341 đồng |
| - Lợi nhuận trước thuế: | 19.237.771.347 đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế: | 15.390.217.078 đồng. |

(Theo Quyết định số 234/QĐ-TCT BĐATHHMB ngày 25/4/2019 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty BĐATHH miền Bắc về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải khu vực VI).

Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2019 như sau:

(Có bảng Biểu mẫu số 02.C kèm theo)

a) Về sản lượng sản xuất:

Về sản lượng năm 2019 so với cùng kỳ năm 2017 là: 200%, so với cùng kỳ năm 2018 là: 124% và so với kế hoạch năm 2019 là: 110%.

b) Về các chỉ tiêu tài chính:

Doanh thu thuần năm 2019 so với cùng kỳ năm 2017: 202%, so với cùng kỳ 2018: 122%, so với kế hoạch năm 2019 là: 106%.

Giá vốn hàng bán năm 2019 so với cùng kỳ năm 2017: 236%, so với cùng kỳ 2018: 135% và so với kế hoạch năm 2018 là: 113%.

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2019 so với cùng kỳ năm 2017: 178%, so với cùng kỳ năm 2018: 112% và so với kế hoạch năm 2019 đạt: 100%.

Doanh thu hoạt động tài chính năm 2019 so với cùng kỳ năm 2017: 239% và so với cùng kỳ năm 2018: 146% và so với kế hoạch năm 2019 là: 126%.

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019 so với cùng kỳ năm 2017: 137%, so với cùng kỳ năm 2018: 103% và so với kế hoạch năm 2019 đạt: 84%.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2019 so với cùng kỳ năm 2017: 215%, so với cùng kỳ năm 2018: 119% và so với kế hoạch năm 2018 là: 113%.

c) Về hiệu quả hoạt động của Công ty thông qua các chỉ tiêu:

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): 98,3%

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA): 38,1%

d) Tình hình thực hiện dịch vụ HTHH:

(Có bảng Biểu số 02.D kèm theo)

So với kế hoạch sản lượng thực hiện năm 2019 đạt 110%, so với cùng kỳ năm trước đạt 124%.

Chi phí thực hiện năm 2019 so với kế hoạch đạt 103% và so với cùng kỳ năm trước đạt 124%.

Doanh thu thực hiện năm 2019 so với kế hoạch đạt 106% và so với cùng kỳ năm trước đạt 122%.

đ) Phân tích lưu chuyển tiền tệ năm 2019:

Lượng tiền mặt mà doanh nghiệp tạo ra chủ yếu từ thu hoạt động cung ứng dịch vụ hoa tiêu hàng hải. Trong năm 2019 Công ty đã cân đối được dòng tiền tạo ra với nhu cầu cho hoạt động sản xuất kinh, nên với lượng tiền mặt thu được đã đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất kinh doanh.

4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ:

(Có bảng Biểu số 02.Đ kèm theo)

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước: Công ty luôn thực hiện nộp đầy đủ và đúng quy định nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, không để nợ thuế, phí, lệ phí quá hạn quy định.

Tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ:

10823
NG T
M H
HÀNH
U HÃI
VỤ C
- T. N

- Quỹ đầu tư phát triển:

Vào cuối năm công ty phân phối lợi nhuận, trích lập vào quỹ đầu tư phát triển tăng 5.238.098.394 đồng và điều chỉnh phần chênh lệch vốn chủ sở hữu so với vốn điều lệ nộp về Tổng công ty số tiền giảm là 7.972.740.054 đồng.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi:

Vào cuối năm công ty phân phối lợi nhuận, trích lập vào quỹ khen thưởng, phúc lợi tăng 5.516.384.750 đồng và giảm trong kỳ do chi các khoản chi được chi từ quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền là 4.957.144.044 đồng.

- Quỹ thưởng VCQLDN:

Vào cuối năm công ty phân phối lợi nhuận, trích lập vào quỹ thưởng VCQL tăng 293.023.125 đồng và giảm trong kỳ do chi thưởng viên chức quản lý số tiền là 267.300.000 đồng.

5. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật:

Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật hiện hành, sự chỉ đạo của cấp trên, phối hợp với các đơn vị có liên quan để tổ chức tốt việc cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải cho các tàu ra vào các cảng thuộc địa phận 5 tỉnh từ Thanh Hóa đến Quảng Trị an toàn, kịp thời không để một tai nạn hàng hải nào xảy ra do lỗi của hoa tiêu, được các Thuyền trưởng, Chủ tàu, Chủ cảng và Đại lý đánh giá cao.

Công tác tài chính kế toán thường xuyên được coi trọng. Việc hạch toán các khoản chi theo đúng chế độ của Nhà nước, sự chỉ đạo của cấp trên, chấp hành tốt chế độ kế toán - tài chính theo các quy định của Nhà nước, hoàn thành và nộp các báo cáo tài chính đúng thời gian qui định. Nộp đúng, nộp đủ các loại thuế cho nhà nước.

Luôn đảm bảo đủ nguồn để thanh toán tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, các chế độ chính sách đúng theo qui định của nhà nước và thỏa ước lao động tập thể cho người lao động.

Nộp đúng, nộp đủ các khoản phải nộp cho người lao động như: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công Đoàn và các khoản đóng góp từ thiện.

Tiền lương, chế độ tiền ăn giữa ca, định lượng, phụ cấp đi biển được tổ chức cấp phát kịp thời cho người lao động và đúng quy định của nhà nước. Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CNCNV, trang bị bảo hộ lao động và đã may đo đồng phục cho cán bộ công nhân viên đầy đủ và kịp thời. Cán bộ công nhân viên được đóng BHXH, mua BHYT, BHTN, điều trị khi ốm đau tại các cơ sở y tế nhà nước.

Công ty đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ...

Công ty thường xuyên tuyên truyền và phổ biến Luật thực hành tiết kiệm, phòng chống lãng phí đến từng cá nhân CBCNV các phòng ban để tiết kiệm tối đa các chi phí.

Hàng năm, Cán bộ lãnh đạo và trưởng phó phòng các bộ phận đều thực hiện kê khai tài sản và ký cam kết chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm.

6) Ý kiến đánh giá:

- Ý kiến đánh giá của kiểm toán độc lập:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên hoa tiêu hàng hải khu vực VI tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


- Ý kiến của kiểm soát viên:

Năm 2019, Công ty đã bảo toàn được vốn góp chủ sở hữu. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại Công ty có hiệu quả.

Công ty quản lý nợ và có khả năng thanh toán nợ tốt. Tiến hành thu đúng, đủ, kịp thời các khoản phải thu đồng thời thanh toán, nộp, chi trả các khoản phải trả theo đúng quy định của pháp luật.

Tình hình sản xuất kinh doanh đạt kết quả cao thể hiện bằng việc các chỉ tiêu kinh tế đều tăng so với cùng kỳ năm trước và so với kế hoạch. Công ty hoạt động có lãi. Tình hình tài chính ổn định, lành mạnh, dòng tiền luôn được cân đối để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.

Công ty thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước; phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ đúng theo quy định; chấp hành nghiêm túc các chế độ, chính sách và pháp luật.

Trân trọng báo cáo./...


Nơi nhận:

- Như trên;
- Kiểm soát viên;
- Phòng TCKT TCT;
- Lưu: VT, TCKT.



GIÁM ĐỐC

Đào Mạnh Hà



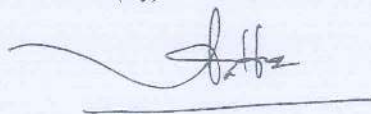
TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2019

(Kèm theo báo cáo số: *Mb* /BC-CTHTHHKV VI ngày *30*/3/2020 của Cty TNHH MTV HTHHKV VI)

| Nội dung | Cùng kỳ năm 2017 | Cùng kỳ năm 2018 | Thực hiện năm 2019 | | Biến động so với (tỷ lệ %) | | |
|---|---------------------|---------------------|--------------------|----------------|----------------------------|---------------------|-----------------|
| | | | Kế hoạch năm | Thực hiện kỳ | Cùng kỳ năm 2017 | Cùng kỳ năm 2018 | Kế hoạch năm |
| | | | [3] | [4] | [5]=[4]/[1] | [6]=[4]/[2] | [5]=[4]/[3] |
| | [1] | [2] | | | | | |
| A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh | | | | | | | |
| 1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu | 5,026 | 8,139 | 9,170 | 10,075 | 200% | 124% | 110% |
| 2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu | | | | | | | |
| 3. Tồn kho cuối kỳ | | | | | | | |
| B. Chỉ tiêu tài chính | | | | | | | |
| 1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 31,708,478,574 | 52,498,269,547 | 60,421,646,688 | 64,166,205,864 | 202% | 122% | 106% |
| 2. Giá vốn hàng bán | 13,243,485,044 | 23,112,898,739 | 27,589,823,861 | 31,312,412,639 | 236% | 135% | 113% |
| 3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 18,464,993,530 | 29,385,370,808 | 32,831,822,827 | 32,853,793,225 | 178% | 112% | 100% |
| 4. Doanh thu hoạt động tài chính | 393,956,225 | 643,095,691 | 750,000,000 | 941,843,687 | 239% | 146% | 126% |
| 5. Chi phí tài chính | | | | | | | |
| 6. Chi phí bán hàng | | | | | | | |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 8,723,583,301 | 11,694,313,190 | 14,344,051,480 | 11,992,194,539 | 137% | 103% | 84% |
| 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 10,135,366,454 | 18,334,153,309 | 19,237,771,347 | 21,803,442,373 | 215% | 119% | 113% |
| 9. Thu nhập khác | | | | | | | |
| 10. Chi phí khác | | | | | | | |
| 11. Lợi nhuận khác | | | | | | | |
| 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 10,135,366,454 | 18,334,153,309 | 19,237,771,347 | 21,803,442,373 | 215% | 119% | 113% |
| 13. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 2,027,086,243 | 3,666,830,662 | 3,847,554,269 | 4,360,688,474 | | | |
| 14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | | | | | | | |
| 15. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 8,108,280,211 | 14,667,322,647 | 15,390,217,078 | 17,442,753,899 | 215% | 119% | 113% |

Người lập biểu

(Ký)



Dương Thị Minh Thanh

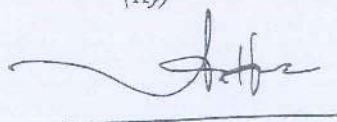


TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ NĂM 2019

(Kèm theo báo cáo số: ~~12~~ /BC-CTHTHHKV VI ngày 9/3/2020 của Cty TNHH MTV HTHHKV VI)

| Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2019 | Thực hiện năm 2019 | Tỷ lệ so với kế hoạch | Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước |
|--|-------------------|--------------------|-----------------------|--------------------------------|
| 1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2016 (lượt tàu) | 9,170 | 10,075 | 110% | 124% |
| 2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu | 0 | 0 | 0 | |
| 3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu | 0 | 0 | 0 | |
| 4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong kỳ (tr. đồng) | 41,933,875,341 | 43,304,607,178 | 103% | 124% |
| 5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong kỳ (tr. đồng) | 60,421,646,688 | 64,166,205,864 | 106% | 122% |

Người lập biểu
(Ký)



Dương Thị Minh Thanh

Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, đóng dấu)



Đào Mạnh Hà



A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Kèm theo báo cáo số: ~~186~~ /BC-CTHTTHHKV VI ngày 30/3/2020 của Cty TNHH MTV HTHHKV VI)

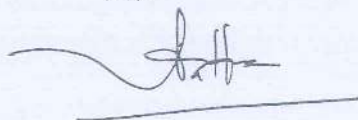
| Chỉ tiêu | Số còn phải nộp năm trước chuyển sang | Số phát sinh phải nộp | Số đã nộp trong năm | Số còn phải chuyển sang kỳ sau |
|--|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------------|
| 1. Thuế | 741,862,738 | 7,629,928,504 | 7,294,678,331 | 1,077,112,911 |
| - Thuế GTGT | | 815,290,662 | 647,963,744 | 167,326,918 |
| - Thuế TNDN | 277,262,031 | 4,360,688,474 | 3,728,164,512 | 909,785,993 |
| - Thuế TNCN | 464,600,707 | 2,404,167,782 | 2,868,768,489 | - |
| - Thuế đất | 0 | 45,793,034 | 45,793,034 | - |
| - Thuế môn bài | 0 | 3,000,000 | 3,000,000 | - |
| - Các khoản thuế khác | 0 | 988,552 | 988,552 | - |
| 2. Các khoản phải nộp khác | - | - | - | - |
| - Phí, lệ phí | | | | - |
| - Các khoản phải nộp khác | | | | - |
| 3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của DN theo quy định | 8,311,484,006 | 11,575,538,884 | 8,311,484,006 | 11,575,538,884 |
| Cộng | 9,053,346,744 | 19,205,467,388 | 15,606,162,337 | 12,652,651,795 |

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2019

(Kèm theo báo cáo số: /BC-CTHTTHHKV VI ngày /3/2020 của Cty TNHH MTV HTHHKV VI)

| Chỉ tiêu | Dư đầu kỳ | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | Dư cuối kỳ |
|-------------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| 1. Quỹ Đầu tư phát triển | 2,734,641,660 | 5,238,098,394 | 7,972,740,054 | - |
| 2. Quỹ khen thưởng & phúc lợi | 4,400,111,774 | 5,516,384,750 | 4,957,144,044 | 4,959,352,480 |
| 3. Quỹ thưởng VCQLDN | 340,492,500 | 293,023,125 | 267,300,000 | 366,215,625 |
| 4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN | | | | |
| 5. Quỹ đặc thù khác (nếu có) | | | | |

Người lập biểu
(Ký)



Dương Thị Minh Thanh

